

Số: 137/2024/QĐST-VHNGĐ

Phú Mỹ, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 290/2024/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông **Trần Đức T**, sinh năm 2001

Địa chỉ: **Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Bà **Lê Thị Kim N**, sinh năm 2002

Địa chỉ: **Tổ A ô B, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/02/2022.

Ông, bà xác định vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông **T**, bà **N** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu **Trần Lê Khánh A**, sinh ngày 09/02/2021.

Hiện cháu **A** đang sống chung với bà **N**. Khi ly hôn, ông **T1** và bà **N** thỏa thuận giao con chung cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông **T**, bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của ông **T**, bà **N** là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận giao cháu **A** cho bà **N** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông **T**, bà **N** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** thuận tình ly hôn.

Về con chung:

Giao cháu **Trần Lê Khánh A**, sinh ngày 09/02/2021 cho bà **Lê Thị Kim N** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông **Trần Đức T** và bà **Lê Thị Kim N** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003471 ngày 09/8/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã Tân Hải, TX Phú Mỹ (GCNKH số 29/2022);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung